

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN CẨM LỆ TP ĐÀ NẴNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/DS-ST

Ngày: 24-6-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng thế tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng thế tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-DS ngày 27/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2025/QĐST-DS ngày 09/6/2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 16/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T. Địa chỉ: Tòa nhà Bank, số 57 phố Lý Thường K, phường Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Việt C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ khách hàng cá nhân Bank. Người được ủy quyền lại gồm các ông (bà): Hồ Thị Thanh Ng hoặc Trương Thị H hoặc Nguyễn Thúy Th hoặc Lê Thị T hoặc Trần Duy Q hoặc Trần Tấn H - Điều thuộc Đội xử lý nợ 3 - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ khách hàng cá nhân Bank; cùng địa chỉ liên hệ: Số 460 Nguyễn Hữu T, phường Khuê T, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 203/2025/GUQ-TPB.CM ngày 25/02/2025 và Giấy ủy quyền số 05/2025/UQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025); bà Th có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 5 Hòa A 19, phường Hòa A, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2025, Bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T, bà Nguyễn Thúy Th trình bày:

Ngày 27/3/2023 Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) với bà Trần Thị H có ký Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng BANK kèm hợp đồng sử dụng thẻ (sau đây gọi tắt là: Hợp đồng), hạn mức: 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ: 05 năm, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay là 35,4%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (tương đương 53,1%/năm), phí, vay tín chấp. Lãi và các loại phí được thỏa thuận tại bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế BANK số 026/2022/SP-TPB.RB ngày 15/8/2022 kèm Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế Bank – Quyết định 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 22/6/2021 của Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là: Bản chấp thuận kèm Biểu lãi).

Trong thời gian thực hiện thỏa thuận sử dụng thẻ từ ngày 28/3/2023 đến ngày 10/01/2024, bà Trần Thị H đã thực hiện nhiều lần giao dịch với tổng số tiền 143.686.700 đồng, bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền 116.557.175 đồng; trong đó trả nợ gốc là 108.686.700 đồng, lãi là 7.870.475 đồng. Đến ngày 30/12/2024 bà H trả cho Ngân hàng 1.500.000 đồng, ngày 17/6/2025 trả 10.000.000 đồng; tổng số tiền bà H trả cho ngân hàng là 128.057.175 đồng. Như vậy, bà H còn nợ lại số tiền gốc là 23.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 10.862.465 đồng, lãi quá hạn là 8.751.848 đồng, nợ phí là 288.000 đồng; tổng số tiền bà H nợ tạm tính đến 24/6/2025 là 43.402.313 đồng. Từ ngày 25/02/2024 đến nay bà H bắt đầu vi phạm hợp đồng, ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng bà H vẫn không hợp tác, hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện việc trả nợ.

Nay, Ngân hàng TMCP T khởi kiện bà H, đề nghị Tòa án: Buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/6/2025 là 43.402.313 đồng; trong đó: Nợ gốc: 23.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 10.862.465 đồng, lãi quá hạn là 8.751.848 đồng, nợ phí là 288.000 đồng. Buộc bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/6/2025 cho đến khi bà H trả hết nợ, mức lãi suất được quy định tại Bản chấp thuận kèm Biểu lãi.

Đối với số tiền 13.824.273 đồng lãi chậm trả lãi, trong đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP T đề nghị bà H phải trả nhưng tại phiên tòa Ngân hàng xin rút lại yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa; các văn bản tố tụng khác và Triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”. Bị đơn bà Trần Thị H có nơi cư trú tại: phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như các thông báo, triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Trần Thị H, nhưng bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng TMCP T khởi kiện bà Trần Thị H, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/6/2025 là 43.402.313 đồng; trong đó: Nợ gốc: 23.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 10.862.465 đồng, lãi quá hạn là 8.751.848 đồng, nợ phí là 288.000 đồng. Buộc bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/6/2025 cho đến khi bà H trả hết nợ, mức lãi suất được quy định tại Bản chấp thuận kèm Biểu lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T và ý kiến của bị đơn bà Trần Thị H thì thấy:

[2.1] Xét về số tiền nợ gốc thì thấy:

Ngày 27/3/2023 Ngân hàng TMCP T với bà Trần Thị H có ký Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng BANK kèm hợp đồng sử dụng thẻ, hạn mức: 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ: 05 năm, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay là 35,4%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (tương đương 53,1%/năm), phí, vay tín chấp. Lãi và các loại phí được thỏa thuận tại bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế BANK số 026/2022/SP-TPB.RB ngày 15/8/2022 kèm Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế Bank – Quyết định 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 22/6/2021 của Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là: Bản chấp thuận kèm Biểu lãi). Quá trình sử dụng thẻ bà H đã thực hiện nhiều lần giao dịch, ngày giao dịch rút tiền cuối cùng là ngày 10/01/2024 với tổng số tiền là 143.686.700 đồng, đã trả được cho ngân hàng số tiền 128.057.175 đồng, ngày trả cuối cùng là 17/6/2025; trong đó, trả nợ tiền gốc là 120.186.700 đồng, lãi là 7.870.475 đồng. Từ ngày 25/02/2024 bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán và ngày 10/6/2024 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H. Do đó, ngân hàng khởi kiện bà H là có căn cứ. Như vậy, bà H còn nợ lại số tiền gốc là 23.500.000 đồng (143.686.700 tiền rút – (128.057.175 tiền nộp;

trong đó, trả nợ tiền gốc là 120.186.700 đồng, trả lãi là 7.870.475 đồng) = 23.500.000 đồng). Do đó, ngân hàng khởi kiện bà H đối với số tiền gốc 23.500.000đ (hai mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét về số tiền lãi thì thấy:

Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án buộc bà H phải thanh toán khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 24/6/2025 là 19.614.313 đồng; trong đó, tiền lãi trong hạn là 10.862.465 đồng, lãi quá hạn là 8.751.848 đồng.

Đối với tiền lãi trong hạn: Theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng BANK kiêm hợp đồng sử dụng thẻ và số 026/2022/SP-TPB.RB ngày 15/8/2022 kèm Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế Bank – Quyết định 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 22/6/2021 của Ngân hàng TMCP T, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 35,4%/năm (tương đương 2,95%/tháng). Ngày 11/12/2023 bà H bắt đầu vi phạm hợp đồng nên phải chịu tiền lãi trong hạn, tính từ ngày vi phạm đến ngày 26/10/2024 là 320 ngày. Như vậy, số tiền lãi trong hạn bà H phải chịu là 10.862.465 đồng ($35.000.000đ \times 35,4\% \times 320 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 10.862.465 \text{ đồng}$).

Đối với tiền lãi quá hạn: Các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (tương đương 53,1%/năm). Từ ngày 27/10/2024 khoản tiền vay của bà H chuyển thành quá hạn, nhưng ngày 30/12/2024 bà H đã nộp 1.500.000 đồng tiền gốc, ngày 17/6/2025 nộp tiếp số tiền gốc 10.000.000 đồng nên số tiền gốc bà H nợ ngân hàng còn 23.500.000 đồng. Do đó, tiền lãi quá hạn của bà H được tính thành các đợt như sau: Đợt 1 từ ngày 27/10/2024 đến ngày 29/12/2024 với số tiền gốc nợ là $35.000.000đ \times 53,1\% \times 63 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 3.207.827 \text{ đồng}$, đợt 2 từ ngày 30/12/2024 đến ngày 16/6/2025 với số tiền gốc nợ là $33.500.000đ \times 53,1\% \times 168 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 8.187.583 \text{ đồng}$, đợt 3 từ ngày 17/6/2025 đến ngày 24/6/2025 với số tiền gốc nợ là $23.500.000đ \times 53,1\% \times 8 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 273.501 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi quá hạn là 11.668.911 đồng. Nhưng ngân hàng chỉ yêu cầu bà H thanh toán số tiền lãi quá hạn 8.751.848 đồng là sự tự nguyện của ngân hàng nên chấp nhận.

[2.3] Đối với các khoản phí: Ngân hàng TMCP T yêu cầu bà H trả số tiền 288.000 đồng là đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với số tiền lãi chậm trả lãi 13.824.273 đồng. Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP T xin rút yêu cầu này. Đây là ý chí tự nguyện của ngân hàng, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu tính lãi chậm trả lãi của ngân hàng.

Từ những phân tích trên, toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: Tổng tiền nợ là 43.402.313 đồng; trong đó, nợ gốc là 23.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.862.465 đồng, lãi quá hạn là 8.751.848 đồng và nợ tiền phí 288.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/6/2025), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 23.500.000 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và Bản chấp thuận kèm Biểu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.170.115đ (hai triệu, một trăm bảy mươi ngàn ngàn, một trăm mười lăm đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí 1.838.941 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0009659 ngày 10/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 15 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn bà Trần Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*”.

- Đình chỉ phần yêu cầu tính tiền lãi chậm trả lãi 13.824.273 đồng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn bà Trần Thị H.

2. Tuyên xử:

2.1. Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 24/6/2025 là: 43.402.313đ (bốn mươi ba triệu, bốn trăm không hai ngàn, ba trăm mười ba đồng); trong đó, nợ gốc là 23.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.862.465 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.751.848 đồng và nợ tiền phí là 288.000 đồng .

2.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 25/6/2025 bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 23.500.000 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng và Bản chấp thuận kèm Biểu lãi cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị H phải chịu 2.170.115đ (hai triệu, một trăm bảy mươi ngàn ngàn, một trăm mười lăm đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí 1.838.941 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0009659 ngày 10/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ngày 24/6/2025.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Dương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh